

Số: /2026/NQ-HĐND

Đồng Nai, ngày tháng năm 2026

Dự thảo

NGHỊ QUYẾT

Quy định cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ phát triển hạ tầng, hệ thống đổi mới sáng tạo, tổ chức có hoạt động trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn thành phố Đồng Nai

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phát triển đô thị số 18/2026/QH16;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 145/2025/QH15;

Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 133/2025/QH15 và Luật số 148/2025/QH15;

Căn cứ Luật Công nghệ cao số 133/2025/QH15;

Căn cứ Luật Chuyển đổi số số 148/2025/QH15;

Xét Tờ trình số/TTr-UBND ngày ... tháng ... năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố về dự thảo Nghị quyết quy định cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ phát triển hạ tầng, hệ thống đổi mới sáng tạo, tổ chức có hoạt động trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn thành phố; Báo cáo thẩm tra số .../BC-HĐND ngày ... tháng ... năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.

Hội đồng nhân dân thành phố ban hành Nghị quyết quy định cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ phát triển hạ tầng, hệ thống đổi mới sáng tạo, tổ chức có hoạt động trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn thành phố.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chi tiết điểm a khoản 2 Điều 30 Luật Phát triển đô thị số 18/2026/QH16 về cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển hạ tầng, trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn thành phố Đồng Nai.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Doanh nghiệp, tổ chức có hoạt động đầu tư xây dựng, trang bị, nâng cấp hạ tầng phục vụ nghiên cứu khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn thành phố, bao gồm:

a) Tổ chức khoa học và công nghệ.

b) Doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp nông nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ số và các loại hình doanh nghiệp khác có hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

2. Hệ thống đổi mới sáng tạo (Trung tâm đổi mới sáng tạo), trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo và chuyển đổi số đã được công nhận theo quy định của pháp luật.

3. Cơ quan quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của thành phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Việc thực hiện hỗ trợ phải bảo đảm công khai, minh bạch, bình đẳng, đúng đối tượng, đúng nội dung; không hỗ trợ trùng lặp từ ngân sách nhà nước cho cùng một nội dung chi đối với một đối tượng; phù hợp với chiến lược, chương trình, kế hoạch, đề án của thành phố về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

2. Đối với hỗ trợ phát triển hạ tầng.

a) Phải có phương án chia sẻ hạ tầng hình thành sau đầu tư.

b) Ưu tiên dự án có tỷ lệ vốn đối ứng cao, khuyến khích mô hình liên kết giữa Nhà nước, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục đại học, viện nghiên cứu và tổ chức trong nước, quốc tế.

3. Việc thực hiện nội dung hỗ trợ được đánh giá, nghiệm thu trên cơ sở mức độ hoàn thành mục tiêu, nội dung, sản phẩm, kết quả đầu ra hoặc các yêu cầu theo thuyết minh, dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Tài sản, trang bị được hình thành từ nguồn ngân sách nhà nước được quản lý, sử dụng, sở hữu và xử lý theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và các pháp luật chuyên ngành khác.

Chương II

CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG PHỤC VỤ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

Điều 4. Danh mục hạ tầng phục vụ nghiên cứu khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

1. Nhóm 1: Hạ tầng vật lý phục vụ nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, bao gồm:

a) Không gian làm việc, kết nối, trình diễn và trưng bày sản phẩm công nghệ, hình thành trong quá trình xây dựng, nâng cấp hạ tầng của tổ chức, doanh nghiệp quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này.

b) Phòng thí nghiệm, cơ sở nghiên cứu, cơ sở thử nghiệm, cơ sở kiểm định, hiệu chuẩn, đánh giá và chứng nhận công nghệ; cơ sở chế tạo mẫu, sản xuất thử nghiệm, hoàn thiện và trình diễn công nghệ.

c) Trang thiết bị, máy móc, phương tiện kỹ thuật chuyên dụng phục vụ nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, thử nghiệm, phân tích, đo lường, kiểm định, hiệu chuẩn, đánh giá công nghệ, chế tạo mẫu và sản xuất thử nghiệm; đặc biệt là cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật chuyên ngành phục vụ nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ cao, công nghệ chiến lược theo Danh mục công nghệ chiến lược và danh mục sản phẩm công nghệ chiến lược do Thủ tướng Chính phủ ban hành.

2. Nhóm 2: Hạ tầng số, hệ thống số phục vụ nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, bao gồm:

a) Hạ tầng số gồm các hệ thống kỹ thuật, kết nối, điện toán, lưu trữ và các thành phần công nghệ số bảo đảm cho hoạt động trên môi trường số, hạ tầng trung tâm dữ liệu, điện toán đám mây và hạ tầng truyền dẫn cho kết nối máy tới máy.

b) Hệ thống số gồm các thành phần công nghệ số, dữ liệu số, nền tảng số, phần mềm, phần cứng, thuật toán, mô hình xử lý và thiết bị kết nối được tổ chức để tạo lập, xử lý, lưu trữ, kết nối và vận hành dịch vụ số hoặc quy trình số; bao gồm cả trường hợp hoạt động điều hành theo thời gian thực.

Điều 5. Tiêu chí hỗ trợ đầu tư xây dựng, trang bị, nâng cấp hạ tầng phục vụ nghiên cứu khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

1. Tiêu chí đối với dự án đầu tư xây dựng, trang bị, nâng cấp hạ tầng đề nghị hỗ trợ:

a) Hạ tầng thuộc nhóm 1, nhóm 2 quy định tại Điều 4 Nghị quyết này phù hợp với chiến lược, chương trình, kế hoạch phát triển hạ tầng phục vụ nghiên cứu khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của thành phố theo từng thời kỳ.

b) Có cam kết bằng văn bản duy trì hoạt động đúng mục đích đầu tư tối thiểu 05 năm kể từ ngày hoàn thành và đưa vào vận hành, khai thác.

c) Hạ tầng thuộc nhóm 1 phải đặt tại địa điểm thuộc địa bàn thành phố; hạ tầng thuộc nhóm 2 phải do tổ chức, doanh nghiệp có trụ sở chính trên địa bàn thành phố trực tiếp quản trị, vận hành, khai thác.

d) Dữ liệu nghiên cứu phát sinh từ hạ tầng được hỗ trợ phải được lưu trữ trên lãnh thổ Việt Nam theo quy định pháp luật về an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu.

2. Tiêu chí đối với tổ chức, doanh nghiệp đề nghị hỗ trợ:

a) Được thành lập và hoạt động hợp pháp theo quy định pháp luật Việt Nam; có trụ sở chính tại thành phố.

b) Có nguồn lực bảo đảm việc quản lý, vận hành hạ tầng, tài sản được hưởng hỗ trợ.

c) Có bộ phận nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo với tối thiểu 10 nhân lực có trình độ từ đại học trở lên, trong đó có ít nhất 50% số nhân lực là công dân Việt Nam. Đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, không bắt buộc phải có bộ phận nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo nhưng phải có tối thiểu 03 nhân lực có trình độ từ đại học trở lên thực hiện hoạt động này, trong đó có ít nhất 50% số nhân lực là công dân Việt Nam.

d) Riêng đối với tổ chức hoạt động theo loại hình doanh nghiệp, ngoài các tiêu chí quy định tại điểm a, b, c của khoản này, phải có tổng chi cho hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo đạt tối thiểu 2% doanh thu thuần bình quân trong 03 năm tài chính liền kề hoặc từ 200 tỷ đồng/năm trở lên trong 03 năm tài chính liền kề trước năm đề nghị hỗ trợ; trường hợp doanh nghiệp hoạt động dưới 03 năm thì tính bình quân trên toàn bộ thời gian hoạt động kể từ khi thành lập, nhưng không ít hơn 01 năm tài chính đầy đủ.

Điều 6. Nội dung, mức hỗ trợ và quản lý kinh phí hỗ trợ đầu tư xây dựng, trang bị, nâng cấp hạ tầng phục vụ nghiên cứu khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

1. Mức hỗ trợ:

a) Đối với hạ tầng thuộc nhóm 1, nhóm 2 quy định tại Điều 4 Nghị quyết này thuộc lĩnh vực trong Danh mục công nghệ chiến lược và danh mục sản phẩm công nghệ chiến lược do Thủ tướng Chính phủ ban hành: Tối đa 25 tỷ đồng/tổ chức, doanh nghiệp.

b) Đối với hạ tầng không thuộc Danh mục công nghệ chiến lược và danh mục sản phẩm công nghệ chiến lược do Thủ tướng Chính phủ ban hành:

- Hạ tầng thuộc nhóm 1: Tối đa 5 tỷ đồng/tổ chức, doanh nghiệp.

- Hạ tầng thuộc nhóm 2: Tối đa 3 tỷ đồng/tổ chức, doanh nghiệp.

c) Mức Hỗ trợ tại khoản 1 Điều này không vượt quá 50% tổng mức kinh phí của toàn bộ dự án.

2. Kinh phí hỗ trợ được cấp theo tiến độ và kết quả thực hiện trên cơ sở hồ sơ, quyết định phê duyệt và hợp đồng thực hiện hỗ trợ; biện pháp bảo đảm thu hồi kinh phí được thực hiện như sau:

a) Trước khi nhận kinh phí hỗ trợ theo từng giai đoạn, tổ chức, doanh nghiệp phải nộp bảo lãnh ngân hàng (hoặc biện pháp bảo đảm hợp pháp khác) tương ứng

với số kinh phí được cấp để bảo đảm nghĩa vụ hoàn trả trong trường hợp vi phạm hợp đồng.

b) Trường hợp dự án hỗ trợ bị dừng hoặc không hoàn thành theo cam kết do lỗi chủ quan của tổ chức, doanh nghiệp thì cơ quan có thẩm quyền chấm dứt hợp đồng và thực hiện xử lý kinh phí bảo đảm để thu hồi kinh phí đã cấp; trường hợp do nguyên nhân khách quan hoặc rủi ro khoa học, công nghệ thì việc xem xét, xử lý kinh phí và trách nhiệm thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 7. Hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện hỗ trợ

1. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ gồm:

a) Đơn đăng ký đề nghị hỗ trợ theo Mẫu số 01 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết này.

b) Thuyết minh đề xuất dự án hoặc đề án đề nghị hỗ trợ theo Mẫu số 02 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết này.

c) Dự toán kinh phí chi tiết theo Mẫu số 03 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết này, kèm theo báo giá hoặc tài liệu làm căn cứ lập dự toán theo quy định hiện hành.

d) Văn bản cam kết theo Mẫu số 04 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết này.

đ) Đối với đối tượng đề nghị hỗ trợ theo Điều 6 Nghị quyết này, hồ sơ pháp lý và tài liệu chứng minh năng lực của tổ chức, doanh nghiệp gồm:

- Báo cáo tài chính đã được kiểm toán độc lập (đối với tổ chức hoạt động theo loại hình doanh nghiệp).

- Các tài liệu chứng minh đáp ứng tiêu chí quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị quyết này.

- Tài liệu chứng minh năng lực tài chính và bố trí vốn đối ứng.

e) Tài liệu khác có liên quan trực tiếp đến nội dung đề nghị hỗ trợ.

2. Trình tự, thủ tục thực hiện hỗ trợ

Trình tự, thủ tục xét chọn, thẩm định, phê duyệt, ký kết hợp đồng, cấp kinh phí, kiểm tra, đánh giá, nghiệm thu, thanh lý và xử lý kết quả thực hiện hỗ trợ được áp dụng theo trình tự, thủ tục quản lý, thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

3. Cơ quan, đơn vị được Ủy ban nhân dân thành phố giao làm đầu mối tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ; đối chiếu thông tin, dữ liệu để phát hiện, ngăn ngừa hỗ trợ trùng lặp; tổ chức thực hiện các bước theo khoản 2 Điều này và theo phân công, phân cấp của Ủy ban nhân dân thành phố.

Chương III

CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG ĐỔI MỚI SÁNG TẠO, TRUNG TÂM HỖ TRỢ KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

Điều 8. Nội dung và mức hỗ trợ hệ thống tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo và chuyển đổi số

1. Nội dung và mức hỗ trợ

a) Hỗ trợ kinh phí mua sắm, nâng cấp hạ tầng, trang thiết bị nghiên cứu, thiết bị thử nghiệm và trang thiết bị phục vụ vận hành, tối đa 100 tỷ đồng.

b) Hỗ trợ kinh phí vận hành kỹ thuật, thiết bị ban đầu, gồm chuyển giao công nghệ, thuê chuyên gia vận hành ban đầu, quản trị dự án, tối đa 10 tỷ đồng.

c) Hỗ trợ kinh phí đào tạo nguồn nhân lực, gồm tiếp nhận chuyên gia công nghệ, mời chuyên gia quốc tế đào tạo, cử nhân sự đi đào tạo trong và ngoài nước, tối đa 10 tỷ đồng.

d) Hỗ trợ kinh phí thuê tư vấn và chi phí xác lập, đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ trong và ngoài nước, tối đa 10 tỷ đồng.

đ) Hỗ trợ kinh phí hoạt động thương mại hóa sản phẩm nghiên cứu và phát triển, tối đa 5 tỷ đồng.

e) Hỗ trợ kinh phí hợp tác quốc tế, gồm tham gia thành viên mạng lưới quốc tế, tham gia sự kiện quốc tế ở nước ngoài, tổ chức sự kiện quốc tế ở trong nước, tối đa 10 tỷ đồng.

2. Nguyên tắc áp dụng mức hỗ trợ

a) Hệ thống đổi mới sáng tạo, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo có đề án phát triển hướng đến hệ thống đổi mới sáng tạo tầm cỡ quốc tế phù hợp với kế hoạch, chương trình, đề án của thành phố được áp dụng mức hỗ trợ tối đa theo khoản 1 Điều này.

b) Hệ thống đổi mới sáng tạo, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo được công nhận cấp tỉnh có đề án phát triển hướng đến được công nhận cấp quốc gia được áp dụng tối đa 70% mức hỗ trợ theo khoản 1 Điều này.

c) Hệ thống đổi mới sáng tạo, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo có đề án phát triển hướng đến được công nhận cấp tỉnh được áp dụng tối đa 50% mức hỗ trợ theo khoản 1 Điều này.

Điều 9. Tiêu chí đối với chủ thể đề nghị hỗ trợ

1. Thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết này.

2. Có trụ sở chính hoặc chi nhánh trên địa bàn thành phố, phát sinh nghĩa vụ kê khai và nộp thuế tại thành phố.

3. Có năng lực tổ chức thực hiện, quản lý, sử dụng kinh phí, tài sản và duy trì kết quả hỗ trợ; không thuộc trường hợp bị hạn chế nhận hỗ trợ từ ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Hồ sơ trình tự, thủ tục thực hiện hỗ trợ

1. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ gồm:

a) Đơn đề nghị hỗ trợ theo Mẫu số II.01 tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị quyết này;

b) Thuyết minh đề nghị hỗ trợ theo Mẫu số II.02 tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị quyết này;

c) Văn bản cam kết theo Mẫu số II.03 tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị quyết này;

d) Tài liệu khác có liên quan trực tiếp đến nội dung đề nghị hỗ trợ.

2. Trình tự, thủ tục thực hiện hỗ trợ

Trình tự, thủ tục xét duyệt, thẩm định, phê duyệt, ký kết hợp đồng, cấp kinh phí, kiểm tra, đánh giá, nghiệm thu, thanh lý và xử lý kết quả thực hiện hỗ trợ được áp dụng theo trình tự, thủ tục quản lý, thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

3. Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Đồng Nai thông tin chính sách hỗ trợ tại Chương III Nghị quyết này đến Quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thành phố để thông báo, kêu gọi đề xuất nhiệm vụ.

Điều 11. Thời gian thực hiện hỗ trợ và đánh giá kết quả

1. Thời gian thực hiện từng nội dung hỗ trợ được xác định tại hồ sơ thuyết minh đề nghị hỗ trợ.

2. Việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện căn cứ vào mức độ hoàn thành sản phẩm, kết quả đầu ra đã được phê duyệt. Trường hợp đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện ở mức “Không đạt”, Quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thành phố thực hiện xử lý theo quy định pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đối với quản lý, thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo.

Điều 12. Nguyên tắc xác định và sử dụng kinh phí hỗ trợ

1. Kinh phí hỗ trợ là khoản hỗ trợ từ ngân sách nhà nước và không bắt buộc kinh phí đối ứng. Mức hỗ trợ cụ thể được xác định theo hồ sơ thuyết minh đề nghị hỗ trợ và bảo đảm phù hợp quy định tại Điều 8 Nghị quyết này.

2. Chủ thể đề nghị hỗ trợ được xem xét hỗ trợ một hoặc nhiều nội dung quy định tại Điều 8 Nghị quyết này phù hợp với mục tiêu, lộ trình phát triển trung tâm.

3. Chủ thể đề nghị hỗ trợ có trách nhiệm sử dụng kinh phí đúng mục tiêu, nội dung và dự toán được phê duyệt. Việc quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện theo quy định pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đối với quản lý, thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo.

4. Trường hợp đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện ở mức “Không đạt”, Quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thành phố căn cứ hợp đồng với chủ thể đề nghị hỗ trợ để tiến hành xác định: phần kinh phí phải hoàn trả ngân sách Nhà nước (nếu có) hoặc phần hạ tầng, trang thiết bị nghiên cứu, thiết bị thử nghiệm, thiết bị phục vụ vận hành đã được mua sắm, nâng cấp cần thu hồi.

5. Phần hạ tầng, trang thiết bị nghiên cứu, thiết bị thử nghiệm, thiết bị phục vụ vận hành đã được mua sắm, nâng cấp được thu hồi (nếu có) tại khoản 4 Điều này sẽ được Quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thành phố chuyển giao cho chủ thể khác tiếp tục khai thác, vận hành thông qua nhiệm vụ mới hoặc lập phương án xử lý, thanh lý để thu hồi kinh phí.

Chương IV **KINH PHÍ VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 13. Kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện nội dung hỗ trợ tại Nghị quyết này được phân bổ từ nguồn ngân sách thành phố chi sự nghiệp khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, cấp về Quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thành phố để thực hiện hoạt động, nội dung chi hỗ trợ theo Nghị quyết này.

Điều 14. Tổ chức thực hiện

1. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân thành phố
 - a) Tổ chức triển khai và giám sát thực hiện Nghị quyết này bảo đảm công khai, minh bạch, khách quan, hiệu quả;
 - b) Tổ chức cập nhật, công bố thông tin về tình hình thực hiện chính sách, hiệu quả đầu tư và khai thác hạ tầng;
 - c) Định kỳ hằng năm báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố về kết quả tổ chức thực hiện, đánh giá hiệu quả chính sách và kiến nghị điều chỉnh nếu cần thiết;
2. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân thành phố, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này.
3. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và các tổ chức thành viên tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày tháng năm 2026.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Đồng Nai khóa XI, Kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm 2026./.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Vụ pháp chế các Bộ: Tài chính; Khoa học và Công nghệ;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật – Bộ Tư pháp;
- Thường trực thành ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQ thành phố;
- Các Ban Đảng Thành ủy;
- Các Văn phòng: Thành ủy; Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND thành phố;
- Các sở, ban, ngành thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND phường, xã;
- Báo và phát thanh, truyền hình Đồng Nai;
- Cổng thông tin điện tử thành phố;
- Lưu: VT, TTHĐND.

CHỦ TỊCH

DANH MỤC BIỂU MẪU

(Kèm theo Nghị quyết số/2026/NQ-HĐND ngày ... tháng ... năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Đồng Nai)

Stt	Mẫu	Nội dung	Ghi chú
1	Mẫu số 01	Đơn đăng ký hỗ trợ	
2	Mẫu số 02	Thuyết minh dự án/đề án đề nghị hỗ trợ	
3	Mẫu số 03	Dự toán kinh phí dự án/đề án	
4	Mẫu số 04	Văn bản cam kết	

PHỤ LỤC 1**DANH MỤC VÀ CÁC BIỂU MẪU**

(Kèm theo Nghị quyết số/2026/NQ-HĐND ngày ... tháng ... năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Đồng Nai)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ HỖ TRỢ

Kính gửi:

- Tên tổ chức, doanh nghiệp/Trung tâm:
- Địa chỉ:
- Điện thoại: Email: Website:
- Quyết định/Giấy phép thành lập/Đăng ký kinh doanh/Đăng ký hoạt động KH&CN số: nơi cấp ngày cấp
- Mã số thuế:
- Người đại diện theo pháp luật của tổ chức, doanh nghiệp:

Chúng tôi đề nghị được hỗ trợ thực hiện dự án/đề án từ nguồn ngân sách nhà nước như sau:

1. Thông tin về dự án/đề án

- Tên dự án/đề án:
- Loại dự án: *(chọn 01 trong các loại dự án sau)*

☐ Hạng mục 1: Xây dựng, nâng cấp hạ tầng KH,CN,ĐMST và chuyển đổi số (Chi tiết: Nhóm 1 Hạ tầng vật lý / Nhóm 2 Hạ tầng số, hệ thống số).

☐ Phát triển trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo thuộc phạm vi triển khai đề án, chương trình, kế hoạch của Thành phố về phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo.

- Quy mô dự án/đề án thực hiện:
- Thời gian thực hiện dự án/đề án:
- Địa điểm thực hiện dự án/đề án:
- Tổng kinh phí thực hiện dự án/đề án: đồng (bằng chữ...)

Trong đó:

- + Kinh phí đề nghị hỗ trợ từ ngân sách nhà nước: đồng (bằng chữ...)
- + Nguồn kinh phí khác (nếu có): đồng (bằng chữ...)

Tỷ lệ kinh phí đề nghị hỗ trợ trên tổng kinh phí thực hiện: ...%

2. Hồ sơ đăng ký đề nghị hỗ trợ dự án/đề án bao gồm:

- Thuyết minh dự án/đề án;
- Tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của tổ chức, doanh nghiệp/Trung tâm; Giấy công nhận Trung tâm và tài liệu chứng minh thuộc phạm vi triển khai đề án, chương trình, kế hoạch của Thành phố (đối với đề nghị hỗ trợ theo Điều 7);
- Văn bản cam kết của tổ chức, doanh nghiệp đề nghị về việc chỉ tiếp nhận duy nhất một nguồn kinh phí cho cùng một nội dung chi từ ngân sách nhà nước cho cùng nội dung dự án/đề án;
- Các tài liệu khác.

Chúng tôi xin cam đoan những nội dung và thông tin kê khai trong hồ sơ này là đúng sự thật và chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính xác thực của hồ sơ.

..., ngày ... tháng ... năm...

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

THUYẾT MINH DỰ ÁN/ĐỀ ÁN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ**I. THÔNG TIN TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP/TRUNG TÂM**

1. Tên tổ chức, doanh nghiệp/Trung tâm:
2. Mã số thuế:
3. Địa chỉ trụ sở chính:
4. Địa điểm thực hiện dự án/đề án:
5. Điện thoại: Fax:
- Email: Website:
6. Người đại diện theo pháp luật của tổ chức, doanh nghiệp:
7. Tên và số tài khoản ngân hàng của tổ chức, doanh nghiệp:

II. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN/ĐỀ ÁN

1. Tên dự án/đề án:
2. Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định chấp thuận nhà đầu tư lần gần nhất (nếu có)
3. Thời gian thực hiện:
4. Địa chỉ thực hiện dự án/đề án:
5. Tổng mức kinh phí: đồng
6. Mô tả công nghệ, quy trình công nghệ của dự án/đề án (nếu có)
7. Mô tả các sản phẩm, dịch vụ, thị trường của dự án/đề án (nếu có)

III. THÔNG TIN VỀ NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ

1. Tên dự án/đề án:
2. Thời gian thực hiện:tháng
3. Tổng kinh phí thực hiện dự án/đề án:đồng
- 3.1. Nguồn ngân sách nhà nước:đồng
- 3.2. Nguồn vốn đối ứng/nguồn kinh phí khác (nếu có):đồng
4. Mục tiêu hỗ trợ:

IV. NỘI DUNG ĐỀ XUẤT HỖ TRỢ

STT	Các nội dung (hạng mục) đề xuất	Kết quả đầu ra	Thời gian thực hiện (số tháng)	Kinh phí	Ghi chú
1	Nội dung (hạng mục) 1				
2...	Nội dung (hạng mục) 2,3...				

V. GIẢI TRÌNH NỘI DUNG (HẠNG MỤC) ĐỀ XUẤT HỖ TRỢ

1. Sự phù hợp về đối tượng, tiêu chí, điều kiện được hỗ trợ

Đối với đề nghị hỗ trợ theo Điều 7 Nghị quyết này, thuyết minh rõ: Giấy công nhận Trung tâm; căn cứ xác định Trung tâm thuộc phạm vi triển khai đề án, chương trình, kế hoạch của Thành phố về phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo; hiện trạng năng lực và giai đoạn phát triển; mục tiêu, lộ trình phát triển; nhu cầu và nội dung đề nghị hỗ trợ trong giai đoạn; sản phẩm, kết quả đầu ra; thời gian thực hiện; phương án quản lý, khai thác, sử dụng chung hoặc chia sẻ và duy trì kết quả sau hỗ trợ. Một đề xuất có thể bao gồm một hoặc nhiều nội dung hỗ trợ theo Điều 7 phù hợp với nhu cầu thực tế của Trung tâm.

2. Nhu cầu về các nội dung đề xuất tài trợ, kết quả đầu ra, thời gian, kinh phí và các hồ sơ thanh toán

3. Phương án tài chính để thực hiện

4. Năng lực thực hiện dự án/đề án

VI. KẾT QUẢ ĐẦU RA, KHẢ NĂNG DUY TRÌ VÀ TÁC ĐỘNG DỰ KIẾN

1. Sản phẩm, kết quả đầu ra và chỉ tiêu hoàn thành

2. Chỉ tiêu khai thác, sử dụng, dùng chung hoặc chia sẻ (nếu có)

3. Phương án duy trì, vận hành kết quả sau hỗ trợ

4. Khả năng ứng dụng, chuyển giao, nhân rộng và kết nối mạng lưới

5. Tác động dự kiến đối với hệ thống đổi mới sáng tạo, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo (nếu có)

..., ngày ... tháng ... năm...

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

DỰ TOÁN KINH PHÍ DỰ ÁN/ĐỀ ÁN
(Kèm theo Thuyết minh dự án/đề án)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung đề nghị tài trợ	Tổng kinh phí	Nguồn vốn							
			Từ NSNN				Ngoài NSNN			
			Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ...	Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ...
1	Nội dung (hạng mục) 1									
2	Nội dung (hạng mục) 2									
...										
	Tổng cộng									

(*) Các căn cứ xây dựng dự toán: liệt kê các quyết định phê duyệt định mức, văn bản hướng dẫn,...

TÊN TỔ CHỨC/DOANH NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Số hiệu văn bản)

....., ngày ... tháng ... năm

VĂN BẢN CAM KẾT

Kính gửi:.....

I. Thông tin về tổ chức, doanh nghiệp

1. Tên tổ chức, doanh nghiệp/Trung tâm:
2. Mã số thuế:.....
3. Địa chỉ:
4. Điện thoại: Email: Website:
5. Quyết định/Giấy phép thành lập/Đăng ký kinh doanh/Đăng ký hoạt động KH&CN số: nơi cấp ngày cấp.....
6. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, tổ chức:
7. Tên dự án/đề án hỗ trợ:

II. Nội dung cam kết

1. Tự kê khai và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của thông tin, hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan xem xét phê duyệt hỗ trợ.
2. Chỉ tiếp nhận duy nhất một nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước cho cùng một nội dung chi của dự án/đề án hỗ trợ.
3. Thực hiện đúng các cam kết khi nhận hỗ trợ theo Hợp đồng, Quyết định phê duyệt và chịu trách nhiệm trước pháp luật, cơ quan quản lý về việc sử dụng kinh phí, tài sản, sản phẩm, kết quả đầu ra của dự án/đề án hỗ trợ.
4. Cung cấp kịp thời, đầy đủ, chính xác, trung thực các thông tin và tài liệu bổ sung theo yêu cầu của cơ quan, đơn vị đầu mối và cơ quan có thẩm quyền theo quy định.
5. Phối hợp với cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu trong quá trình thực hiện hỗ trợ.

Văn bản cam kết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

PHỤ LỤC 2

HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG ĐỔI MỚI SÁNG TẠO, TRUNG TÂM HỖ TRỢ KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ *(Kèm theo Nghị quyết số/2026/NQ-HĐND ngày ... tháng ... năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Đồng Nai)*

STT	Mẫu	Nội dung
1	Mẫu số II.01	Đơn đề nghị hỗ trợ phát triển trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo
2	Mẫu số II.02	Thuyết minh đề nghị hỗ trợ phát triển trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo
3	Mẫu số II.03	Văn bản cam kết

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG ĐỔI MỚI SÁNG TẠO,
TRUNG TÂM HỖ TRỢ KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ
Kính gửi: (Tên Cơ quan quản lý nhiệm vụ)

Chúng tôi là:

- Tên tổ chức, doanh nghiệp:
- Địa chỉ:
- Điện thoại: Email: Website:
- Quyết định/Giấy phép thành lập/Đăng ký kinh doanh/Đăng ký hoạt động KH&CN số: nơi cấp ngày cấp
- Giấy Công nhận (*trung tâm đổi mới sáng tạo trung tâm đổi mới sáng tạo cấp tỉnh/ trung tâm đổi mới sáng tạo cấp quốc gia/trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo/ trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo cấp tỉnh/trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo cấp quốc gia*) số: nơi cấp ngày cấp
- Mã số thuế:
- Người đại diện theo pháp luật của tổ chức, doanh nghiệp:

Chúng tôi đề nghị được hỗ trợ phát triển trung tâm từ nguồn ngân sách nhà nước như sau:

1. Thông tin về nhiệm vụ

- Tên nhiệm vụ:
- Loại nhiệm vụ: (*chọn 01 trong các loại sau*)
 - ☐ Phát triển hướng đến trung tâm đổi mới sáng tạo tầm cỡ quốc tế.
 - ☐ Phát triển hướng đến được công nhận cấp quốc gia.
 - ☐ Phát triển hướng đến được công nhận cấp tỉnh.
- Thời gian thực hiện nhiệm vụ:
- Địa điểm thực hiện nhiệm vụ:
- Tổng kinh phí thực hiện nhiệm vụ: đồng (bằng chữ...)

Trong đó:

- + Kinh phí đề nghị hỗ trợ từ ngân sách nhà nước: đồng (bằng chữ...)
- + Nguồn kinh phí khác (nếu có): đồng (bằng chữ...)

Tỷ lệ kinh phí đề nghị hỗ trợ trên tổng kinh phí thực hiện: ...%

2. Hồ sơ đăng ký xét đề nghị hỗ trợ gồm:

- Thuyết minh đề nghị hỗ trợ.
- Tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của tổ chức, doanh nghiệp.
- Giấy công nhận (*trung tâm đổi mới sáng tạo trung tâm đổi mới sáng tạo cấp tỉnh/ trung tâm đổi mới sáng tạo cấp quốc gia/trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo/ trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo cấp tỉnh/trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo cấp quốc gia*).
- Đề án phát triển hướng đến trung tâm đổi mới sáng tạo tầm cỡ quốc tế phù hợp với kế hoạch, chương trình, đề án của Thành phố (đối với đề nghị hỗ trợ theo điểm a khoản 2 Điều 8 Nghị quyết này).
- Đề án phát triển hướng đến được công nhận cấp quốc gia (đối với đề nghị hỗ trợ theo điểm b khoản 2 Điều 8 Nghị quyết này).
- Đề án phát triển hướng đến được công nhận cấp tỉnh (đối với đề nghị hỗ trợ theo điểm c khoản 2 Điều 8 Nghị quyết này).
- Văn bản cam kết của tổ chức, doanh nghiệp đề nghị về việc chỉ tiếp nhận duy nhất một nguồn kinh phí cho cùng một nội dung chi từ ngân sách nhà nước cho cùng nội dung đề nghị hỗ trợ.
- Các tài liệu khác.

Chúng tôi xin cam đoan những nội dung và thông tin kê khai trong hồ sơ này là đúng sự thật và chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính xác thực của hồ sơ.

..., ngày ... tháng ... năm...

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**THUYẾT MINH ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ
PHÁT TRIỂN TRUNG TÂM ĐỔI MỚI SÁNG TẠO,
TRUNG TÂM HỖ TRỢ KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO**

I. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ

1. Tên tổ chức, doanh nghiệp chủ trì nhiệm vụ:

(Kèm theo số, ngày của văn bản thành lập hoặc giấy đăng ký kinh doanh của tổ chức chủ trì/doanh nghiệp)

2. Giấy Công nhận *(trung tâm đổi mới sáng tạo / trung tâm đổi mới sáng tạo cấp tỉnh / trung tâm đổi mới sáng tạo cấp quốc gia / trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo / trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo cấp tỉnh / trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo cấp quốc gia)* số: nơi cấp ngày cấp

3. Mã số thuế:

4. Địa chỉ trụ sở chính:

5. Người đại diện theo pháp luật:

(Họ và tên, chức vụ, thư điện tử, điện thoại)

6. Năng lực của người đứng đầu tổ chức, doanh nghiệp chủ trì:

(Năng lực, kinh nghiệm chuyên môn, khả năng huy động nguồn lực)

7. Nội dung, kết quả hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo của tổ chức, doanh nghiệp (nếu có):

8. Nguồn nhân lực để thực hiện nhiệm vụ

8.1. Đội ngũ nhân sự *(Năng lực, kinh nghiệm của các thành viên chính, thành viên)*

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn và kinh nghiệm triển khai	Nội dung công việc
1			
2			
...			

8.2. Đội ngũ chuyên gia hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn và kinh nghiệm triển khai	Nội dung công việc
1			
2			
...			

9. Tóm tắt về cơ sở vật chất, nguồn nhân lực, tài chính và phương án tổ chức thực hiện khả thi

II. THÔNG TIN NHIỆM VỤ

1. Tên nhiệm vụ:
2. Thời gian thực hiện (tháng):
3. Tổng kinh phí thực hiện nhiệm vụ:đồng, trong đó:
 - a) Nguồn ngân sách nhà nước:đồng
 - b) Nguồn vốn đối ứng:đồng

Chi tiết theo Phụ lục kèm theo Thuyết minh này.

III. THÔNG TIN CHI TIẾT CỦA NHIỆM VỤ

1. Mục tiêu của nhiệm vụ

- a) Mục tiêu chung:

- b) Mục tiêu cụ thể: *(Mục tiêu rõ ràng gắn với chiến lược, chương trình, kế hoạch phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo Thành phố)*

2. Sự phù hợp của nội dung đề xuất hỗ trợ phù hợp với đề án phát triển trung tâm *(hướng đến trung tâm đổi mới sáng tạo tầm cỡ quốc tế/ hướng đến được công nhận cấp quốc gia/ hướng đến được công nhận cấp tỉnh):*

3. Tính cấp thiết của nhiệm vụ *(Luận giải sự cần thiết, tính cấp bách phù hợp với định hướng và yêu cầu nêu trong thông báo của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, nêu rõ những vấn đề cần giải quyết; luận giải việc đặt ra các mục tiêu và nội dung của nhiệm vụ,...)*

4. Nội dung hoạt động, dự kiến sản phẩm, kết quả thực hiện nhiệm vụ *(Nêu và mô tả chi tiết các nội dung, hoạt động và các số liệu liên quan làm cơ sở cho dự toán kinh phí, kết quả/sản phẩm đầu ra cụ thể)*

Nội dung, hoạt động	Kết quả/Sản phẩm	Yêu cầu cần đạt của kết quả, sản phẩm
Nội dung 1:		
Hoạt động 1.1:		

Hoạt động 1.2, 1.3...:		
Nội dung 2,3...:		
Hoạt động 2.1:		
Hoạt động 2.2, 2.3...:		

5. Phương án quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng chung hoặc chia sẻ cho các chủ thể của hệ thống đổi mới sáng tạo, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo Thành phố phù hợp với chức năng, mô hình hoạt động của trung tâm và có chỉ tiêu kết quả đầu ra để theo dõi, đánh giá

.....

.....

IV. DỰ TOÁN CHI TIẾT KINH PHÍ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung công việc	Khối lượng	Định mức/ Đơn giá	Thành tiền			Căn cứ lập dự toán
				Tổng	NSNN	Đối ứng	
1	Nội dung công việc 1:						
	<i>Nội dung chi....</i>						
	<i>Nội dung chi....</i>						
	<i>Nội dung chi....</i>						
...	...						
2	Nội dung công việc 2:						
	<i>Nội dung chi....</i>						
	<i>Nội dung chi....</i>						
...	...						
	Tổng cộng:						

..., ngày ... tháng ... năm...

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

TÊN DOANH NGHIỆP, TỔ CHỨC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Số hiệu văn bản)

....., ngày ... tháng ... năm

VĂN BẢN CAM KẾT

Kính gửi: (Tên cơ quan quản lý nhiệm vụ).

I. Thông tin về tổ chức, doanh nghiệp

1. Tên tổ chức, doanh nghiệp:
2. Mã số thuế:
3. Địa chỉ:
4. Điện thoại: Email: Website:
5. Quyết định/Giấy phép thành lập/Đăng ký kinh doanh/Đăng ký hoạt động KH&CN số: nơi cấp ngày cấp
6. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, tổ chức:
7. Tên nhiệm vụ:

II. Nội dung cam kết

Tổ chức, doanh nghiệp cam kết:

1. Tự kê khai và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của thông tin, hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan quản lý nhiệm vụ.
2. Chỉ tiếp nhận duy nhất một nguồn kinh phí cho cùng một nội dung chi từ ngân sách nhà nước cho cùng nội dung nhiệm vụ.
3. Thực hiện đúng các cam kết khi nhận tài trợ để thực hiện nhiệm vụ theo Hợp đồng và chịu trách nhiệm trước pháp luật và cơ quan quản lý nhiệm vụ về sử dụng kinh phí, tài sản, kết quả, hiệu quả của nhiệm vụ.
4. Cung cấp kịp thời, đầy đủ, chính xác, trung thực các thông tin và tài liệu bổ sung theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhiệm vụ và cơ quan có thẩm quyền theo quy định.
5. Phối hợp với cơ quan quản lý nhiệm vụ và cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

Văn bản cam kết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP, TỔ CHỨC

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)